TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:101/2024/DS-ST
Ngày: 23-8-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Ngọc Thương
2. Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo - Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử vụ án Dân sự thụ lý số 323/2024/DSST ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2024/QĐST-XX ngày 23 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2024/QĐHPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Công ty T1

Địa chỉ: Số I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật ông LEE YUN HYOUNG, chức danh Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty L, Người đại diện theo pháp luật: Ông Cồ Lê H, chức vụ Giám đốc (theo văn bản uỷ quyền số 09/2024/GUQ-MAFC ngày 02-5-2024)

Địa chỉ: Số B (tầng 1+ 3) L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người được uỷ quyền lại : Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 2001(có đơn xin xét xử vắng mặt) (Văn bản uỷ quyền số 02/GUQ-2024 ngày 20-5-2024)

Địa chỉ: Số B L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.*Bị đơn:* Bà Nguyễn Mai Diễm P, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số E H, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-5-2024 và qua quá trình làm việc, đại diện Công ty T1 "Tên viết tắt Công ty T1" trình bày:

Ngày 06-4-2023, Công ty T1 (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là "Công ty T1") ký Hợp đồng tín dụng số: 4476438 (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng tín dụng") về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Mai Diễm P với khoản vay trị giá 32.525.400 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm đồng), trong đó bao gồm: 30.200.000 đồng tiền vay và 2.325.400 đồng tiền bảo hiểm khoản vay với lãi suất 58%/năm. Theo đó, bà Nguyễn Mai Diễm P có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền 2.015.684 đồng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 15-5-2023 đến ngày 15-4-2026.

Sau khi ký kết, Công ty T1 đã tiến hành giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Nguyễn Mai Diễm P với hình thức chuyển khoản qua số tài khoản ngân hàng mà bà Nguyễn Mai Diễm P đã cung cấp. Bà Nguyễn Mai Diễm P có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền hàng tháng cho phía Công ty T1 theo đúng thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng trên.

Tuy nhiên, từ ngày 16-11-2023, bà Nguyễn Mai Diễm P đã ngừng thanh toán khoản vay cho phía Công ty T1 mặc dù phía Công ty đã nhiều lần nhắc nhở cũng như gọi điện liên hệ đề nghị bà Nguyễn Mai Diễm P thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ phía bà Nguyễn Mai Diễm P về việc thanh toán khoản vay đã quá hạn trên. Tính đến thời điểm hiện tại, bà Nguyễn Mai Diễm P chỉ thanh toán được 07 kỳ với tổng số tiền 15.674.662 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, sáu trăm sáu mươi hai đồng).

Việc bà Nguyễn Mai Diễm P cố tình trì hoãn thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo thỏa thuận trong "Hợp đồng tín dụng" mà hai bên ký kết đã trực tiếp ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T1.

Vì vậy, Công ty T1 (Việt Nam) yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Mai Diễm P phải thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty T1 (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi, phí) tính đến ngày 23-8-2024 với tổng số tiền là: 44.366.213đồng (Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm mười ba đồng). Và lãi phát sinh từ ngày 24-8-2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Bị đơn- bà Nguyễn Mai Diễm P trong suốt quá trình tố tụng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do.

3.Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:
3.1.Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định pháp luật tố tụng, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

3.2.Về nội dung: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T1, buộc bà Nguyễn Mai Diễm P phải có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T1 số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh như yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp.Vũng Tàu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Công ty T1 khởi kiện“ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bà Nguyễn Mai Diễm P , bà P có nơi cư trú tại thành phố V nên xác định đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng, bà Nguyễn Mai Diễm P, cung cấp địa chỉ tại số E H, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã niêm yết, tống đạt giấy triệu tập hợp lệ yêu cầu bà Nguyễn Mai Diễm P đến Tòa để giải quyết vụ án, hòa giải, xét xử.Tuy nhiên, bà P vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Về nội dung*:

Theo đề nghị vay vốn ngày 03-4-2023 của bà P. Ngày 06-4-2023, bà Nguyễn Mai Diễm P và Công ty T1 (gọi tắt là “Công ty T1”) đã ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 4476438 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng”) về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Mai Diễm P với khoản vay trị giá 32.525.400 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm đồng), trong đó bao gồm: 30.200.000 đồng tiền vay và 2.325.400 đồng tiền bảo hiểm khoản vay với lãi suất 58%/năm. Theo đó, bà Nguyễn Mai Diễm P có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền 2.015.684 đồng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 15-5-2023 đến ngày 15-4-2026.

Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty T1 đã thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng là giải ngân số tiền nêu trên vào tài khoản cho bà P. Tuy nhiên, bà P không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, chỉ thanh toán được 07 kỳ với tổng số tiền 15.674.662 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, sáu trăm sáu mươi hai đồng) thì ngừng thanh toán khoản vay cho Công ty T1.

Tính đến ngày 23-8-2024, bà P còn nợ Công ty T1 tổng số tiền là: 44.366.213đồng. Cụ thể :

+ Số tiền gốc : 30.209.547 đồng;

+ Số tiền lãi phải thu: 12.237.759 đồng;

+ Số tiền lãi trên nợ gốc bị quá hạn phải thu: 1.470.363 đồng;

+ Số tiền lãi chậm trả phải thu: 448.544 đồng.

[2.1]. Xét tư cách pháp nhân của nguyên đơn và tính pháp lý của giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4476438 ngày 06-4-2023:

[2.1.1]. Về thẩm quyền và tư cách pháp nhân của nguyên đơn: Công ty T1 được Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mã số doanh nghiệp C. Căn cứ theo điểm a Khoản 2 Điều 8 và Điều 10 của Điều lệ, Công ty T1 được cấp tín dụng dưới hình thức "cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng"…cấp tín dụng trên cơ sở có bảo đảm hoặc không có bảo đảm tài sản của khách hàng vay… nên Hội đồng xét xử xác định Công ty T1 có đủ tư cách để ký Hợp đồng tín dụng với khách hàng là cá nhân, tổ chức.

[2.1.2]. Xét hiệu lực của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4476438 ngày 06-4-2023:

Ngày 06-4-2023, bà Nguyễn Mai Diễm P và Công ty T1 (Việt Nam) đã ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4476438. Về hình thức của hợp đồng được lập thành văn bản do người có thẩm quyền của Công ty T1 và bà P tự nguyện giao kết.Trong hợp đồng bà P không trực tiếp ký tên vào nhưng có giao kết hợp đồng dưới hình thức chữ ký số do bà P đã đăng ký loại chứng thư số OID-B1.0 -1D do Trung tâm D chứng nhận.Theo Điều 8 Nghị định 130/2018/NĐ-CP quy định về giá trị của chữ ký số như sau: " Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản cần có chữ ký thì yêu cầu đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu thông điệp dữ liệu đó được ký bằng chữ ký số và chữ ký số đó được đảm bảo an toàn theo quy định tại Điều 9 Nghị định 130/2018/NĐ-CP. Điều 9 Nghị định 130/2018/NĐ-CP quy định chữ ký số được xem là chữ ký điện tử an toàn khi đáp ứng các điều kiện sau:

" Chữ ký số được tạo ra trong thời gian chứng thư số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khoá công khai ghi trên chứng thư số đó";

" Chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khoá bí mật tương ứng với khoá công khai ghi trên chứng thư số do một trong các tổ chứng sau đây cấp:

+ Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia;

+ Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số Chính phủ;

+ Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

Công ty TNHH H1 là đơn vị được thực hiện dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng FPT- CA, theo giấy phép cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng 527/GP-BTTTT ngày 12-10-2015 của Bộ T2 nên chữ ký số của bà Nguyễn Mai Diễm P đăng ký và được Trung tâm D chứng thực có giá trị pháp lý.

Nội dung của Hợp đồng tín dụng số 4476438 ngày 06-4-2023 không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, thể hiện ý trí tự nguyện của các bên giao kết, phù hợp với các quy định tại các Điều 16, 19, 75, 86, 117 và Điều 119 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3677449 ngày 26-9-2022 giao kết giữa bà Nguyễn Mai Diễm P với Công ty T1 có hiệu lực pháp luật.

[2.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Mai Diễm P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo quy định tại Điều 8 của hợp đồng.Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà P đến làm việc, trình bày ý kiến và tạo điều kiện để cho hai bên hòa giải nhưng vẫn vắng mặt và không đưa ra ý kiến. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Từ nhận định nêu trên có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 đối với bị đơn bà Nguyễn Mai Diễm P ;

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) đối với bị đơn- bà Nguyễn Mai Diễm P .

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 02 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 13 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu,miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Buộc bà Nguyễn Mai Diễm P phải trả cho Công ty T1 (Việt Nam) tổng số tiền là 44.366.213 đồng. Cụ thể :

+ Số tiền gốc : 30.209.547 đồng;

+ Số tiền lãi phải thu: 12.237.759 đồng;

+ Số tiền lãi trên nợ gốc bị quá hạn phải thu: 1.470.363 đồng;

+ Số tiền lãi chậm trả phải thu: 448.544 đồng.

Theo giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4476438 ngày 06-4-2023.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 24-8-2024, bà P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Mai Diễm P phải chịu là 2.218.311đ (Hai triệu, hai trăm mười tám ngàn, ba trăm mười một đồng).

Công ty T1 (Việt Nam) được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 900.000đ (Chín trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000139 ngày 10-06-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

3.Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp - VT;
- Thi hành án dân sự Tp- VT;
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Thị Cúc